

Sóc Trăng, ngày 27 tháng 11 năm 2020

Số: 19 /TB-SLĐTBXH

THÔNG BÁO

Tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng, năm 2020

Căn cứ Quyết định số 3325/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp công lập thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, năm 2020,

Căn cứ Kế hoạch số 55/KH-SLĐTBXH ngày 18/11/2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng, năm 2020,

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo nhu cầu tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở năm 2020 như sau:

I. CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG

Tổng chỉ tiêu tuyển dụng viên chức sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là 25 chỉ tiêu, cụ thể:

1. Trung tâm Bảo trợ xã hội: 01 chỉ tiêu.

- Chức danh nghề nghiệp - Y sĩ hạng IV, mã số V.08.03.07: 01 chỉ tiêu.

2. Cơ sở Cai nghiện ma túy: 24 chỉ tiêu.

- Chức danh nghề nghiệp - Công tác xã hội viên, mã số V.09.04.02: 06 chỉ tiêu.

- Chức danh nghề nghiệp - Chuyên viên, mã số 01.003: 09 chỉ tiêu.

- Chức danh nghề nghiệp - Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13: 01 chỉ tiêu.

- Chức danh nghề nghiệp - Dược hạng IV, mã số V.08.08.23: 01 chỉ tiêu.

- Chức danh nghề nghiệp - Y sĩ hạng IV, mã số V.08.03.07: 01 chỉ tiêu.

- Chức danh nghề nghiệp - Nhân viên, mã số 01.005: 06 chỉ tiêu.

II. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN, HỒ SƠ TUYỂN DỤNG

1. Điều kiện tuyển dụng

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Viên chức; khoản 1 Điều 5 Nghị định 115/2020/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

a) Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Từ đủ 18 tuổi trở lên.
- Có Phiếu đăng ký dự tuyển;
- Có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoặc có năng khiếu kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm;
- Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;
- Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

b) Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức:

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

2. Tiêu chuẩn tuyển dụng

(Đính kèm Phụ lục chỉ tiêu tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2020).

3. Hồ sơ dự tuyển gồm có (01 bộ)

- Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- 02 ảnh cỡ 3x4, phía sau ảnh ghi rõ họ tên, năm sinh thí sinh;

4. Đối tượng ưu tiên

Theo thứ tự quy định tại Điều 6 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

III. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC TUYỂN DỤNG

1. Nội dung xét tuyển

Kiến thức chung quản lý nhà nước về viên chức và kiến thức chuyên ngành của vị trí cần tuyển.

(Nội dung và tài liệu ôn tập sẽ có thông báo cụ thể sau khi thành lập Ban Kiểm tra, sát hạch).

2. Hình thức tuyển dụng

Tuyển dụng bằng hình thức xét tuyển.

IV. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ

Các thí sinh dự tuyển căn cứ vào vị trí việc làm cần tuyển tại Phụ lục chi tiêu tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2020.

1. Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 27/11/2020 đến hết ngày 27/12/2020

2. Địa điểm tiếp nhận hồ sơ:

Nơi nhận hồ sơ: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: Số 46 Lê Duẩn, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993.873999

Thường trực Hội đồng tuyển dụng sẽ không tiếp nhận các hồ sơ nộp sau thời gian quy định này.

Thông báo này được niêm yết công khai tại Bảng niêm yết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh;
- BGĐ Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Trang TTĐT của Sở;
- Lưu: VT.



Lê Hoàng Điện

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số 19 /TB-SLĐTBXH ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Sở LĐ-TB&XH)



| STT | Tên đơn vị, tổ chức, cơ quan | Vị trí việc làm cần tuyển | Chức danh nghề nghiệp cần tuyển (mã số) | Chỉ tiêu tuyển dụng | Trình độ chuyên môn cần tuyển | Chuyên ngành đào tạo cần tuyển | Các kỹ năng, năng lực và yêu cầu khác | | | Ghi chú |
|------------------|--|--|---|---------------------|-------------------------------|--|---------------------------------------|---|---|---------|
| | | | | | | | Trình độ Ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Yêu cầu khác | |
| Tổng cộng | | | | 25 | | | | | | |
| I | Cơ sở Cai nghiện ma túy | | | 24 | | | | | | |
| 1 | Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế toán | Thủ quỹ | Nhân viên (01.005) | 1 | Trung cấp trở lên | Kế toán, Tài chính | Bậc 1 hoặc tương đương trở lên | Công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên | | |
| 2 | Phòng Tư vấn, tâm lý trị liệu, giáo dục phục hồi hành vi | Tư vấn, tâm lý trị liệu, giáo dục phục hồi hành vi | Công tác xã hội viên (V.09.04.02) | 3 | Đại học trở lên | Luật, Công tác xã hội, Đại học Sư phạm Giáo dục công dân, Ngữ văn, Văn học | Bậc 2 hoặc tương đương trở lên | Công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên | Có kinh nghiệm làm công tác tuyên truyền hoặc tư vấn pháp luật hoặc tư vấn tâm lý từ 06 tháng trở lên | |
| | | Công tác xã hội | Công tác xã hội viên (V.09.04.02) | 3 | Đại học trở lên | Luật, Công tác xã hội, Đại học Sư phạm Giáo dục công dân, Ngữ văn, Văn học | Bậc 2 hoặc tương đương trở lên | Công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên | Có kinh nghiệm làm công tác xã hội từ 06 tháng trở lên | |



| STT | Tên đơn vị, tổ chức, cơ quan | Vị trí việc làm cần tuyển | Chức danh nghề nghiệp cần tuyển (mã số) | Chỉ tiêu tuyển dụng | Trình độ chuyên môn cần tuyển | Chuyên ngành đào tạo cần tuyển | Các kỹ năng, năng lực và yêu cầu khác | | | Ghi chú |
|-----|--|--|---|---------------------|-------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------|---|--|---------|
| | | | | | | | Trình độ Ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Yêu cầu khác | |
| 3 | Phòng Khám điều trị, cai nghiện, phục hồi sức khỏe | Điều trị, phục hồi sức khỏe | Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13) | 1 | Trung cấp trở lên | Điều dưỡng | Bậc 1 hoặc tương đương trở lên | Công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên | Có kinh nghiệm làm công tác phục hồi sức khỏe từ 06 tháng trở lên | |
| | | Điều trị, phục hồi sức khỏe | Dược hạng IV (V.08.08.23) | 1 | Cao đẳng trở lên | Dược sĩ | Bậc 1 hoặc tương đương trở lên | Công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên | | |
| | | Điều trị, phục hồi sức khỏe | Y sĩ hạng IV (V.08.03.07) | 1 | Trung cấp trở lên | Y sĩ | Bậc 1 hoặc tương đương trở lên | Công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên | Có kinh nghiệm điều trị, chăm sóc sức khỏe từ 06 tháng trở lên | |
| 4 | Phòng Lao động trị liệu, dạy nghề, hỗ trợ hòa nhập cộng đồng | Lao động trị liệu, dạy nghề, dạy văn hóa | Chuyên viên (01.003) | 3 | Đại học trở lên | Luật, Công tác xã hội | Bậc 2 hoặc tương đương trở lên | Công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên | Có kinh nghiệm làm công tác hướng dẫn dạy nghề từ 06 tháng trở lên | |
| | | | Nhân viên (01.005) | 1 | Trung cấp trở lên | Kế toán | Bậc 1 hoặc tương đương trở lên | Công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên | Có kinh nghiệm làm công tác hướng dẫn dạy nghề từ 06 tháng trở lên | |

| STT | Tên đơn vị, tổ chức, cơ quan | Vị trí việc làm cần tuyển | Chức danh nghề nghiệp cần tuyển (mã số) | Chỉ tiêu tuyển dụng | Trình độ chuyên môn cần tuyển | Chuyên ngành đào tạo cần tuyển | Các kỹ năng, năng lực và yêu cầu khác | | | Ghi chú |
|-----|------------------------------|-----------------------------|---|---------------------|-------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|---|--|---------|
| | | | | | | | Trình độ Ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Yêu cầu khác | |
| 5 | Phòng Quản lý học viên | Quản lý học viên | Chuyên viên (01.003) | 6 | Đại học trở lên | Luật, Quản lý xã hội, Xã hội học | Bậc 2 hoặc tương đương trở lên | Công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên | Có kinh nghiệm làm công tác quản lý đối tượng nghiện từ 06 tháng trở lên | |
| | | | Nhân viên (01.005) | 4 | Trung cấp trở lên | Luật, Cảnh sát, Quân sự cơ sở | Bậc 1 hoặc tương đương trở lên | Công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên | Có kinh nghiệm làm công tác quản lý đối tượng nghiện từ 06 tháng trở lên | |
| II | Trung tâm Bảo trợ xã hội | | | 1 | | | | | | |
| 1 | Phòng Chăm sóc - Giáo dục | Theo dõi, chăm sóc sức khỏe | Y sĩ hạng IV (V.08.03.07) | 1 | Trung cấp trở lên | Y sĩ | Bậc 1 hoặc tương đương trở lên | Công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên | Có kinh nghiệm theo dõi, chăm sóc sức khỏe từ 06 tháng trở lên | |

